

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ GIÁO DỤC LINK EDU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ GIÁO DỤC LINK EDU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LINK EDU EDUCATIONAL CONSULTING AND INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: LINK EDU EDUCATIONAL CONSULTING AND INVESTMENT CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110829664

**3. Ngày thành lập:** 05/09/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 28, Ngõ Simco, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0906020986

Fax:

Email: [info.linkedu.vn@gmail.com](mailto:info.linkedu.vn@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục<br>- Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục<br>- Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.            | 8560(Chính) |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                          | 4330        |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                           | 4610        |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ: Bán buôn được phẩm và dụng cụ y tế)                                                                                         | 4649        |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                      | 4632        |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                 | 4663        |
| 7.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                    | 4641        |
| 8.  | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                          | 4723        |
| 9.  | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                         | 4751        |
| 10. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 11. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4753        |
| 12. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(Không gồm các hoạt động kinh doanh karaoke, quán bar, vũ trường)                                                                                                                             | 5610 |
| 14. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                              | 5629 |
| 15. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(Không gồm các hoạt động kinh doanh karaoke, quán bar, vũ trường)                                                                                                                                                      | 5630 |
| 16. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Trừ: Hoạt động của các nhà báo độc lập)                                                                                                                                                            | 9000 |
| 17. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                | 6311 |
| 18. | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                         | 6312 |
| 19. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ tổ chức hợp báo)                                                                                                                                                                                | 8230 |
| 20. | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                             | 7310 |
| 21. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các hoạt động dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu như:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí. | 6399 |
| 22. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                    | 7410 |
| 23. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)                                                                                                                                    | 7020 |
| 24. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ: Hoạt động báo chí; Hoạt động sản xuất chương trình thời sự - chính trị)                                                                                         | 5911 |
| 25. | Hoạt động hậu kỳ                                                                                                                                                                                                                                  | 5912 |
| 26. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(Loại trừ: Hoạt động xuất bản âm nhạc)                                                                                                                                                                    | 5920 |
| 27. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                     | 8551 |
| 28. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                       | 8552 |
| 29. | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                 | 8512 |
| 30. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                    | 8531 |
| 31. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>(Loại trừ: Dạy về tôn giáo; các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)                                                                                                                                    | 8559 |
| 32. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cho thuê lại lao động                                                                                                                                                                             | 7830 |
| 33. | Cung ứng lao động tạm thời                                                                                                                                                                                                                        | 7820 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: ĐẶNG THỊ DIỆU LINH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 02/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024186000323

Ngày cấp: 02/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Đội 4, Thôn Đại Độ, Xã Võng La, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 903, Tầng 9, Chung cư Hanhuda, Khu đô thị Nam Cường, Đường Tôn Quang Phiệt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: ĐẶNG THỊ DIỆU LINH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 024186000323

Ngày cấp: 02/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Đội 4, Thôn Đại Độ, Xã Võng La, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Phòng 903, Tầng 9, Chung cư Hanhuda, Khu đô thị Nam Cường, Đường Tôn Quang Phiệt, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội